

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2025/DS-PT
Ngày: 17 - 01 - 2025
V/v tranh chấp: "Hợp đồng
vay tài sản"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán: Ông Trương Vĩnh Hữu

Ông Nguyễn Thanh Triều

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Nam - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 17 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 570/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 133/2024/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 689/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Tấn T sinh năm 1976

Địa chỉ: Số D L, Phường C, thành phố B, Bến Tre.

Đại diện uỷ quyền:

- Bà Dương Mỹ L - sinh năm 1988. (có mặt)

- Chị Lê Thụy Cẩm T1 - sinh năm 1997. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số G Quốc lộ E, ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Theo giấy uỷ quyền ngày 24/02/2024).

** Bị đơn:*

1/ Anh Trần Văn S, sinh năm 1973;

HKTT: Số A T, Phường D, thành phố M, Tiền Giang.

Địa chỉ: Số B Quốc lộ E ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện uỷ quyền:

- Anh Nguyễn Văn Đ – sinh năm 1989; (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ (Theo giấy uỷ quyền ngày 29/7/2024).

2/ Anh Đoàn Văn S1 - sinh năm 1975;

HKTT: Số B, đường Ấ, phường D, thành phố M, Tiền Giang.

Địa chỉ: Số B quốc lộ E ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện uỷ quyền:

- Anh Nguyễn Văn Đ – sinh năm 1989; (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ (Theo giấy uỷ quyền ngày 29/7/2024).

3/ Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn S4;

Trụ sở: Số B quốc lộ E ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn S1, chức vụ: Giám đốc.

Đại diện uỷ quyền:

- Anh Nguyễn Văn Đ – sinh năm 1989; (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ.

- Anh Hứa Tấn T2 - sinh năm 2000. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ F ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ (Theo giấy uỷ quyền ngày 29/7/2024).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Quốc C, sinh năm 1973; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A Khu phố B, Phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:*

1/ Anh Trần Văn S, sinh năm 1973.

2/ Anh Đoàn Văn S1 - sinh năm 1975;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện uỷ quyền nguyên đơn bị Lê Thụy Cẩm T1 trình bày:

Ngày 15/5/2020 anh Trần Văn S, anh Đoàn Văn S1 và Công ty TNHH S4 (gọi tắt là Công ty S4) có thỏa thuận với anh Nguyễn Tấn T vay số tiền 20.500.000.000 đồng. Mục đích bị đơn vay dùng để đảo hạn ngân hàng (thanh toán các khoản vay đến hạn của Công ty S4 thuộc quyền sở hữu của 02 anh S1), thỏa thuận miệng lãi suất 1.6%/tháng, thời hạn vay đến hết ngày 24/5/2020.

Thời điểm này anh T do có giao tình với anh Trần Văn S nên anh T không đứng ra trực tiếp cho anh Trần Văn S vay mà nhờ anh Nguyễn Quốc C là bạn anh T đứng tên hợp đồng vay và giao tiền cho 02 anh S để thực hiện hợp đồng. Anh C có ký xác nhận toàn bộ số tiền 20.500.000.000 đồng (Hai mươi tỷ năm trăm triệu đồng) là của anh T, anh C chỉ đứng tên cầm anh T đồng thời uỷ quyền cho anh T giải quyết tranh chấp với bị đơn nếu có (có cam kết và uỷ quyền của anh C kèm theo). Sau đó, anh C thay mặt anh T giao số tiền trên cho hai anh S vào ngày 15/5/2020 (có hợp đồng vay kèm theo).

Đến ngày 24/5/2020, anh Trần Văn S và anh Đoàn Văn S1 thỏa thuận lại với anh T cho hai anh S1 tiếp tục gia hạn hợp đồng vì còn nhiều khoản vay đến hạn chưa thanh toán và anh T đồng ý (mọi thỏa thuận do anh T thỏa thuận, anh C không tham gia).

Ngày 31/7/2020, hai anh S1 cùng Công ty S4 một lần nữa xin vay thêm của anh T số tiền 6.000.000.000 đồng và cam kết sau 30 ngày sẽ thanh toán đồng thời tất toán khoản nợ vay cũ cho anh C cùng lúc với anh T. Lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng là 1.6%/ tháng.

Tuy nhiên sau đó các khoản vay của Công ty S4 không được giải ngân và hai anh S1 không thanh toán được 02 khoản vay như đã thỏa thuận nên anh T và anh Trần Văn S có thỏa thuận lại đồng ý gia hạn thêm thời hạn đến 26/02/2021 hai anh S và Công ty S4 phải trả nợ cho anh T. Tất cả văn bản thỏa thuận, hai anh S đều cam kết dùng tất cả tài sản của hai anh và Công ty S4 để trả nợ cho anh T. Lúc đó, anh T cũng xác minh với hai anh là tất cả khoản tiền vay đều là của anh T không phải của anh C, hai anh S cũng đồng ý và ký cam kết trả nợ cho anh T.

Tuy nhiên từ năm 2021 đến nay anh Trần Văn S, anh Đoàn Văn S1 và Công ty S4 không trả tiền lãi và cũng không thanh toán tiền nợ gốc cho anh T, anh T đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông Trần Văn S, anh Đoàn Văn S1 và Công ty S4 cố tình né tránh và không thực hiện nên phát sinh tranh chấp.

Nay anh T yêu cầu anh Trần Văn S, anh Đoàn Văn S1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn S4 liên đới trả cho anh T số tiền vốn là 26.500.000.000 đồng và lãi suất 1.6%/tháng của số tiền này tính từ ngày 26/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày khởi kiện là 36 tháng x 26.500.000.000 đồng x 1.6%/tháng = 15.264.000.000 đồng. Tổng cộng là 41.764.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

*** Đại diện của anh Trần Văn S – anh Lê Quốc V – trình bày:**

Năm 2019, do ảnh hưởng covid-19 nên tình hình tài chính của Công ty TNHH S4 gặp khó khăn, qua người quen giới thiệu anh Trần Văn S có gặp anh Nguyễn Tấn T, để vay tiền đáo hạn Ngân hàng. Lúc đó, anh T có nói với anh Trần Văn S lãi suất là 07%/1ngày và anh Trần Văn S đã đồng ý với lãi suất trên, lúc đó anh Trần Văn S dự định vay khoảng 10 ngày sẽ trả lại, vì lãi suất anh T cho vay quá cao.

Ngày 09/10/2019, anh Trần Văn S có ký giấy mượn tiền với nội dung: *"Tôi Trần Văn S, có mượn của ông Nguyễn Tấn T số tiền là 5.000.000.000 tỷ đồng (Năm tỷ đồng) thời hạn thanh toán trong vòng 10 ngày"*. Sau đó, anh T chuyển vào tài khoản của anh Trần Văn S 4.850.000.000 triệu (đã có nộp kèm bảng sao kê cho Tòa án tại số thứ tự 55, 56, 57 của sao kê ngày 17/05/2022). Số tiền 150.000.000 triệu đồng là tiền lãi ngày 09/10/2019. Việc vay mượn được lập thành hai hợp đồng, mỗi bên giữ một hợp đồng.

Khoảng một tháng sau, ngày 06/11/2019 anh Trần Văn S có ký hợp đồng vay tiền mặt với nội dung *"Bên A (bên cho vay) là ông Nguyễn Tấn T và Bên B (bên vay) là ông Trần Văn S. Ông Nguyễn Tấn T cho ông Trần Văn S vay số tiền là 10.000.000.000 tỷ đồng (Mười tỷ đồng), trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 06/11/2019 đến ngày 16/11/2019 sẽ thanh toán"*. Việc vay mượn được lập thành hai hợp đồng, mỗi bên giữ 01 hợp đồng. Tuy nhiên, số tiền thực tế anh Trần Văn S nhận là 5.798.086.000 ngàn đồng (đã có nộp kèm bảng sao kê chi tiết tại sổ thụ tự số 9). Số tiền còn lại 4.201.914.000 đồng thì anh T đã trừ vào khoản tiền lãi của khoản vay 5.000.000.000 tỷ đồng anh Trần Văn S đã ký ngày 01/10/2019 trước đó (tiền lãi từ ngày 10/10/2019 đến ngày 06/11/2019 của khoản vay 05 tỷ ngày 09/10/2019).

Ngày 20/12/2019, anh Trần Văn S trả cho anh T số tiền gốc là 4.000.000.000 tỷ đồng (bốn tỷ đồng) do Lê Mai Hồng N là nhân viên của anh Trần Văn S chuyển khoản (chị N chuyển khoản qua số tài khoản của anh T là 070063199247 được mở tài Ngân hàng C1 - Chi nhánh B).

Ngày 28/12/2019, anh Trần Văn S trả cho anh T số tiền gốc là 2.000.000.000 tỷ đồng do chị Cao Lê Thùy V1 là nhân viên của anh Trần Văn S chuyển khoản (chị V1 chuyển khoản qua số tài khoản của anh T là 070063199247 được mở tài Ngân hàng C1-chi nhánh B). Như vậy, tổng số tiền anh Trần Văn S còn nợ anh T là 9.000.000.000 đồng (chín tỷ đồng).

Ngày 22/01/2020, anh T đến Công ty S4 và yêu cầu anh Trần Văn S ký hợp đồng vay tiền với số tiền là 11.300.000.000 đồng là khoản tiền gốc 9.000.000.000 đồng Trần Văn S còn nợ anh T và 2.300.000.000 đồng là tiền lãi (lãi của hai hợp đồng). Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản. Khi chốt nợ, anh T đã xóa bỏ các hợp đồng vay tiền ngày 09/10/2019 và ngày 06/11/2019 bằng hình thức gạch chéo vào hợp đồng (đánh dấu X lên hai hợp đồng). Lãi suất thỏa thuận miệng 07%/một ngày. Thời hạn vay là 20 ngày.

Do anh Trần Văn S không có khả năng đóng lãi của hợp đồng vay tiền ngày 22/01/2020 nên ngày 21/03/2020 anh T đến Công ty S4 và yêu cầu anh Trần Văn S ký tiếp hợp đồng vay tiền mặt với số tiền là 16.200.000.000 đồng. Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản. Khi chốt nợ, anh T đã xóa bỏ hợp đồng vay tiền ngày 22/01/2020 bằng hình thức gạch chéo (đánh

dấu X lên hai hợp đồng). Lãi suất của hợp đồng mới, hai bên thỏa thuận miệng 07%/một ngày. Thời hạn vay là 20 ngày.

Do anh Trần Văn S không có khả năng đóng lãi của hợp đồng vay tiền ngày 21/03/2020 nên ngày 15/05/2020 anh T, anh Nguyễn Quốc C đến Công ty S4 gặp anh Trần Văn S và ông Đoàn Văn S1 yêu cầu hai anh S1 ký hợp đồng vay tiền mặt số tiền là 20.500.000.000. Bên vay là ông Đoàn Văn S1, Bên cho vay là ông Nguyễn Quốc C sinh năm 1973, hộ khẩu thường trú 16/2 khu phố B, Phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Thật sự anh Đoàn Văn S1 không biết gì về khoản tiền trên, tuy nhiên do anh T yêu cầu anh Đoàn Văn S1 ký chỉ để làm tin, vì anh Đoàn Văn S1 là giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty S4. Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản. Khi chốt nợ, anh T yêu cầu anh Trần Văn S viết biên nhận nợ cho anh Nguyễn Quốc C (Hợp đồng vay tiền ngày 21/03/2020 các bên đương nhiên được xóa mặc dù không có gạch chéo trên hợp đồng). Lãi suất của hợp đồng mới, hai bên thỏa thuận miệng 07%/một ngày. Thời hạn vay là 10 ngày. Hợp đồng này phía anh Nguyễn Quốc C không có ký tên.

Do Trần Văn S không có khả năng đóng lãi của hợp đồng ngày 15/05/2020 nên ngày 31/07/2020 anh T điện thoại cho anh Trần Văn S và hẹn ra quán C2, đường Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang để nói chuyện. Sau đó, anh T tiếp tục yêu cầu anh Trần Văn S ký thêm hợp đồng vay tiền mặt với số tiền là 6.000.000.000 đồng. Hợp đồng này anh T không giao tiền cho anh Trần Văn S, đây là khoản tiền lãi của khoản vay 20.5 tỷ đồng.

Anh Trần Văn S xác định chỉ vay tiền của anh Nguyễn Tấn T (không vay tiền của anh Nguyễn Quốc C) với số tiền vốn là 15 tỷ đồng, lãi suất thỏa thuận miệng 7%/một ngày, thời hạn vay từ 10- 20 ngày viết biên nhận. Tuy nhiên, anh Trần Văn S chỉ nhận được số tiền là 10.648.086.000 ngàn đồng (mười tỷ sáu trăm bốn mươi tám triệu không trăm tám mươi sáu ngàn đồng). Từ khi vay đến nay, anh Trần Văn S đã trả cho anh T 06 tỷ đồng tiền vốn gốc, còn nợ lại 09 tỷ đồng vốn gốc và tiền lãi từ khi vay cho đến nay. Nay với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Trần Văn S không đồng ý, anh Trần Văn S chỉ đồng ý trả cho anh T 09 tỷ đồng tiền vốn gốc và tiền lãi từ ngày 06/11/2019 đến nay theo mức lãi suất của Ngân hàng. Anh Trần Văn S thừa nhận chữ ký và chữ viết Trần Văn S tại các biên nhận, hợp đồng do nguyên đơn cung cấp là chữ ký, chữ viết của anh Trần Văn S.

*** Đại diện uỷ quyền của anh Đoàn Văn S1 – anh Lê Quốc V – trình bày:** Hợp đồng vay tiền 15/05/2020, do anh T yêu cầu anh Đoàn Văn S1 là đại diện theo pháp luật của Công ty S4 ký tên vào hợp đồng để đảm bảo các khoản vay của anh Trần Văn S nên anh Đoàn Văn S1 ký tên vào hợp đồng. Khoản vay giữa anh Trần Văn S và ông T không liên quan đến Công ty S4 và anh Đoàn Văn S1. Anh Đoàn Văn S1 thừa nhận chữ ký và chữ viết Đoàn Văn S1 tại các biên nhận, hợp đồng do nguyên đơn cung cấp là chữ ký, chữ viết của anh Đoàn Văn S1. Một tại các biên nhận, hợp đồng do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là một của Công ty TNHH S4.

*** Tại bản tự khai ngày 20/5/2024, Công ty TNHH S4 trình bày:** Công ty S4 không đồng ý với yêu cầu của anh T.

Ngày 15/5/2020, anh Nguyễn Tấn T và anh Nguyễn Quốc C đến Công ty S4 và yêu cầu Công ty ký hợp đồng vay tiền mặt với số tiền là 20.500.000.000 đồng. Bên vay là anh Đoàn Văn S1 – đại diện theo pháp luật của Công ty, Bên cho vay là anh Nguyễn Quốc C sinh năm 1973, hộ khẩu thường trú 16/2 khu phố B, Phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Thật sự anh Đoàn Văn S1 không quen biết anh T và anh C, anh Đoàn Văn S1 cũng không liên quan đến việc vay tiền giữa anh Trần Văn S, anh T và anh C. Tuy nhiên, anh T yêu cầu Công ty S4 ký chỉ để làm tin, vì anh Đoàn Văn S1 là giám đốc Công ty TNHH S4 là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Công ty S4 hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn T buộc Công ty S4 liên đới với anh Trần Văn S trả cho anh Nguyễn Tấn T số tiền gốc là 26.500.000.000 đồng và tiền lãi là 15.264.000.000 đồng. Tổng số tiền là: 41.764.000.000 đồng. Công ty S4 không đồng ý yêu cầu này vì đây là khoản vay giữa cá nhân anh Trần Văn S với anh Nguyễn Tấn T nên không liên quan đến Công ty S4. Việc anh Nguyễn Tấn T khởi kiện Công ty S4 là hết sức vô lý. Vì vậy, Công ty S4 làm đơn này đề nghị Quý Tòa xác định lại tư cách tham gia tố tụng của Công ty TNHH S4, không đưa Công Ty TNHH S4 vào tham gia vụ án với tư cách là bị đơn.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc C trình bày:** Anh là bạn của nguyên đơn – anh Nguyễn Tấn T. Ngày 15/5/2020, anh T có nhờ anh C thay anh T đến gặp giám đốc của Công ty trách nhiệm hữu hạn S4 là anh Trần Văn S và anh Đoàn Văn S1 để giao số tiền 20.500.000.000 đồng cho 02 anh S1 vay. Đồng thời, anh T có nhờ anh C đứng tên trên hợp đồng cho vay cùng ngày với tư cách bên cho vay, tuy nhiên tất cả nội dung thỏa thuận đều do anh T thực hiện, số tiền vay 20.500.000.000 đồng là của anh T. Sau khi giao tiền vay và các bên ký xong hợp đồng vay tiền, anh C nhận hợp đồng vay tiền bản chính ngày 15/5/2020 và giao lại cho anh T, đối với lãi suất vay, thời hạn vay do các bên tự thỏa thuận anh C không rõ.

Ngày 18/4/2023, anh C có đến Văn phòng C3 có địa chỉ tại số E, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre để lập tờ cam kết với nội dung số tiền vay 20.500.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 15/5/2020 do anh Trần Văn S và anh Đoàn Văn S1 với Công ty trách nhiệm hữu hạn S4 ký xác nhận vay là của anh Nguyễn Tấn T. Đồng thời, anh C có lập giấy ủy quyền để anh T được toàn quyền định đoạt đối với khoản vay nêu trên.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, anh C hoàn toàn thống nhất và không có ý kiến hay yêu cầu gì. Do bận công việc nên anh C đề nghị Tòa án cho anh vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*** Người làm chứng chị Cao Lê Thùy V1 và chị Lê Mai Hồng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày liên quan đến số tiền mà chị V1 và chị N chuyển khoản cho anh Nguyễn Tấn T.**

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 133/2024/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang Áp dụng Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn T.

Buộc anh Trần Văn S và anh Đoàn Văn S1 trả cho anh Nguyễn Tấn T số tiền vốn là 20.500.000.000 đồng và tiền lãi là 13.448.000.000 đồng, tổng cộng là 33.948.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ chín trăm bốn mươi tám triệu đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc anh Trần Văn S có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Tấn T số tiền vốn là 6.000.000.000 đồng và tiền lãi là 3.936.000.000 đồng, tổng cộng là 9.936.000.000 đồng (Chín tỷ chín trăm ba mươi sáu triệu đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn T về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn S4 liên đới với anh Trần Văn S và anh Đoàn Văn S1 trả số tiền trên cho anh Nguyễn Tấn T3.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 21/8/2024, bị đơn Trần Văn S, Đoàn Văn S1 có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm 133/2024/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bác toàn bộ yêu cầu nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm; Anh Nguyễn Văn Đ là đại diện ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của anh Trần Văn S, anh Đoàn Văn S1

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tổ tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn S, anh Đoàn Văn S1 thừa nhận có ký tên biên nhận ngày 15/5/2020; biên nhận ngày 31/7/2020 nên có cơ sở xác định anh Trần Văn S, Đoàn Văn S1 có vay tiền của anh Nguyễn Tấn T theo hai biên nhận trên, anh S1 kháng cáo cho rằng biên nhận ngày 15/5/2020 là tiền lãi cộng vốn của các biên nhận ngày 09/10/2019; biên nhận 06/11/2019; biên nhận 22/01/2020; biên nhận ngày 21/3/2020 nhưng anh S1 không có chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh S1. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không

chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn S, anh Đoàn Văn S1 giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Trần Văn S, Đoàn Văn S1 thực hiện đúng qui định theo Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng qui định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo qui định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 là đúng qui định.

Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ hợp đồng vay ngày 15/5/2020 thể hiện bên cho vay ông Nguyễn Quốc C, bên vay ông Trần Văn S, ông Đoàn Văn S1. Tuy nhiên, các đương sự trình bày thống nhất số tiền cho vay là của anh Nguyễn Tấn T, do anh T nhờ ông C đứng tên hợp đồng vay với anh Trần Văn S, anh Đoàn Văn S1 nên sau khi ký hợp đồng vay ngày 15/5/2020 thì ông Nguyễn Quốc C có làm tờ cam kết ngày 18/4/2023 xác định số tiền 20.500.000.000 đồng cho anh S1 vay là tiền của anh T, ông C chỉ thay mặt anh T cho anh S1 vay. Đồng thời, ông C cũng ủy quyền cho anh T được thực hiện các công việc yêu cầu các cá nhân liên quan trả đủ số tiền vay.

Bị đơn anh Trần Văn S cho rằng anh Nguyễn Tấn T không có quyền khởi kiện yêu cầu anh S trả khoản vay 20.500.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 365 Bộ luật dân sự qui định: *“Khi bên có quyền yêu cầu chuyển giao quyền yêu cầu cho người thế quyền thì người thế quyền trở thành bên có quyền yêu cầu. Việc chuyển giao quyền yêu cầu cho người thế quyền không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ...”*

Đối chiếu với quy định trên thì Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách nguyên đơn là anh Nguyễn Tấn T là đúng qui định pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của anh Trần Văn S, Đoàn Văn S1, nhận thấy:

Quá trình xem xét đánh giá hợp đồng vay giữa anh Nguyễn Tấn T và anh Trần Văn S, anh Đoàn Văn S1 thấy rằng:

Anh Trần Văn S kháng cáo cho rằng, biên nhận ngày 15/5/2020 số tiền vay 20.500.000.000 đồng là tiền lãi cộng vốn của các khoản nợ trước, anh chỉ vay của anh T số tiền 9.000.000.000 đồng.

Xét thấy, từ năm 2019 đến 2020 anh Trần Văn S nhiều lần vay tiền của anh Nguyễn Tuấn T4, cụ thể:

Ngày 09/10/2019 anh S vay số tiền 05 tỷ đồng, thời hạn 10 ngày, lãi suất 7%/ngày. Anh T4 chuyển khoản cho anh Trần Văn S số tiền 4.850.000.000 đồng (theo sao kê tại số thứ tự 55, 56, 57- BL 49), tiền lãi ngày 09/10/2019 là 150.000.000 đồng được anh T4 trừ trực tiếp vào số tiền vốn.

Ngày 06/11/2019, anh Trần Văn S vay của anh T4 10 tỷ đồng, lãi 7%/ngày. Anh T4 chuyển khoản trực tiếp cho anh S số tiền 5.798.086 đồng (BL 51). Số tiền còn lại 4.201.914.000 đồng anh T4 trừ vào khoản tiền lãi của khoản vay 5.000.000.000 đồng ngày 09/10/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Trần Văn S đã trả cho anh T4 tổng cộng 6 tỷ đồng tiền vốn vào ngày 20/12/2019, 28/12/2019 (BL 53,54) thông qua hình thức chuyển khoản. Do không có khả năng đóng lãi nên anh T4 yêu cầu anh Trần Văn S phải ký các hợp đồng vay tiền ngày 22/01/2020; ngày 21/3/2020; ngày 15/5/2020 và ngày 31/7/2020. Các hợp đồng vay tiền này bao gồm tiền vốn là 09 tỷ đồng (tiền vốn của hợp đồng vay ngày 09/10/2019 và ngày 06/11/2019) cộng tiền lãi mà anh Trần Văn S không đóng cho anh T4.

Xét thấy, việc vay tiền giữa các bên được thực hiện từ năm 2019 tại thời điểm vay tiền các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và các bên tự nguyện giao kết hợp đồng. Anh Trần Văn S thừa nhận có ký tên biên nhận nợ của anh Nguyễn Tuấn T4 số tiền 20.500.000.000 đồng, và biên nhận ngày 31/7/2020 vay số tiền 6.000.000.000 đồng nhưng anh S cho rằng chỉ còn nợ anh T4 nợ số tiền 9 tỷ. Còn đối với khoản nợ vay 20.500.000.000 đồng theo biên nhận 15/5/2020 là tiền lãi, anh T4 không có giao số tiền trên.

Xét lời trình bày của anh Trần Văn S là không có cơ sở, bởi lẽ, hợp đồng vay ngày 15/5/2020, hợp đồng vay ngày 31/7/2020 do anh Trần Văn S, anh Đoàn Văn S1 trực tiếp ký tên. Nội dung hợp đồng thể hiện rõ số tiền anh Trần Văn S, Đoàn Văn S1 vay là 20.500.000.000 đồng, mục đích vay, lãi suất, thời hạn vay. Anh S1 kháng cáo cho rằng bị anh T4 ép buộc, đe dọa ký tên hợp đồng vay ngày 15/5/2020, hợp đồng ngày 31/7/2020 nhưng anh S1 không có chứng cứ chứng minh bị ép buộc, đe dọa. Đồng thời, anh Trần Văn S cho rằng số tiền vay 20.500.000.000 đồng anh không có nhận tiền mà là tiền lãi anh nợ của các hợp đồng trước nhưng đến ngày 11/02/2021 anh Trần Văn S lại viết cam kết hẹn ngày 26/02/2021 sẽ trả khoản tiền vay 26.500.000.000 đồng mà không thể hiện có tiền lãi.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn xác định trước đây anh T4 và anh S có giao dịch vay tiền nhiều lần theo lời trình bày của bị đơn nhưng các khoản vay trước anh S đã trả xong. Hiện anh S chỉ còn nợ hai khoản vay ngày 15/5/2020 và ngày 31/7/2020.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn S đều trình bày lãi suất của các khoản vay là 7%/ngày nhưng tại phiên tòa phúc thẩm đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày lãi suất vay của các hợp đồng vay ngày 09/10/2019; 06/11/2019, 22/01/2020, 21/3/2020 lãi suất là 3%/ngày. Xét lời trình bày của anh Nguyễn Văn S2 không thống nhất và không được phía nguyên đơn thừa nhận. Hội đồng xét xử đã đối chiếu các khoản vay theo lời trình bày của bị đơn lãi 3%/ngày thì số tiền lãi còn nợ không phù hợp với các khoản nợ vay ngày 15/5/2020, ngày 31/7/2020 nên không có căn cứ chấp nhận.

Xét anh Trần Văn S kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh biên nhận ngày 15/5/2020 có lãi của các khoản vay trước cộng vốn. Đồng thời, phía nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn T4 không thừa nhận, mà anh Trần Văn S không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi: Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất của hợp đồng vay ngày 15/5/2020 với mức lãi 1,66% là chưa phù hợp qui định tại khoản 2 Điều 468 BLDS vì;

Hợp đồng vay ngày 15/5/2020 ghi lãi suất thỏa thuận. Nguyên đơn cho rằng lãi suất thỏa thuận 1,6%, phía bị đơn cho rằng lãi 7%/ngày. Như vậy, hợp đồng vay ngày 15/5/2020 có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi thì lãi suất được tính 0,83%.

Số tiền lãi của hợp đồng vay ngày 15/5/2020: $[20.500.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 41 \text{ tháng}] = 6.976.150.000 \text{ đồng}$.

Từ những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của anh Trần Văn S, anh Đoàn Văn S1 có cơ sở một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Trần Văn S, anh Đoàn Văn S1. Sửa bản án sơ thẩm số 133/2024/DS-ST ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố M.

Áp dụng Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn T.

Buộc anh Trần Văn S và anh Đoàn Văn S1 trả cho anh Nguyễn Tấn T số tiền vốn là 20.500.000.000 đồng và tiền lãi là 6.976.150.000 đồng, tổng cộng là 27.476.150.000 đồng (Hai mươi bảy tỷ bốn trăm bảy mươi sáu triệu một trăm năm mươi ngàn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc anh Trần Văn S có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Tấn T số tiền vốn là 6.000.000.000 đồng và tiền lãi là 3.936.000.000 đồng. Tổng cộng là 9.936.000.000 đồng (Chín tỷ chín trăm ba mươi sáu triệu đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

[2]. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn T về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn S4 liên đới với anh Trần Văn S và anh Đoàn Văn S1 trả số tiền trên cho anh Nguyễn Tấn T3.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí: Anh Trần Văn S không phải chịu án phí phúc thẩm nên được hoàn lại 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006555 ngày 21/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

An Đoàn Văn S1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên được hoàn lại 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006554 ngày 21/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Anh Trần Văn S, Đoàn Văn S1 phải chịu 135.476.150.000 đồng án phí DSST.

Anh Trần Văn S phải chịu 117.936.000 đồng án phí DSST

Anh Nguyễn Tấn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 74.882.000 đồng theo biên lai thu số 0005797 ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang nên hoàn lại anh T 74.582.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 14 giờ 00 phút, ngày 17/01/2025 có mặt anh Đ, chị L và Đại diện Viện Kiểm S3./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Triều

Trương Vĩnh Hữu

Nguyễn Thị Diệp Thúy

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp Thúy

